

Bản án số: 153/2025/DS-ST
Ngày: 16/6/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Kim Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thanh Hà

2. Bà Võ Thị Xuân Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Linh - Cán bộ Toà án nhân dân
QUẬN X, THÀNH PHỐ H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân QUẬN X, THÀNH PHỐ H tham gia
phiên toà: Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân QUẬN X,
THÀNH PHỐ H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
187/2025/TLST-DS ngày 15/4/2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2025/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 5 năm
2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

Địa chỉ trụ sở: Số 89 đường H, phường L, quận Đ, Thành phố N.

Địa chỉ liên hệ: Tầng 1, số 96 đường C, Phường B, Quận B, THÀNH
PHỐ H.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đoàn Anh T – sinh
năm 1994 (Theo giấy ủy quyền số 14125/2024/UQ-VPB ngày 08/11/2024) (có
đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng T – sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ thường trú: Số 446/25A đường G, Phường M, QUẬN X, THÀNH
PHỐ H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 18/3/2025 và các lời khai trong quá trình
giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng TMCP V do ông Đoàn Anh T đại diện
theo ủy quyền trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng T có vay vốn tại Ngân hàng
Thương mại Cổ phần V (VBank), theo các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1/Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài
khoản thanh toán số CL/VN10005/202112/LN2201065028896 ngày 07/01/2022
(còn gọi là hợp đồng số LD2200701379):

- Số tiền vay: 75.000.000 đồng

- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 07/01/2022 đến ngày 15/12/2025)

- Lãi suất cho vay trong hạn: 22%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được

điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng

- Mục đích vay: mua đồ gia dụng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 50.359.337 đồng bao gồm 30.148.253 đồng tiền gốc và 20.211.084 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 73.503.903 đồng, trong đó nợ gốc: 44.851.747 đồng, nợ lãi: 28.652.156 đồng.

2/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán số CL/VN10005/202112/LN2201055026664 ngày 07/01/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2200701199):

- Số tiền vay: 75.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 07/01/2022 đến ngày 15/12/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 22%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: mua đồ gia dụng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 50.359.337 đồng bao gồm 30.148.253 đồng tiền gốc và 20.211.084 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 73.503.903 đồng, trong đó nợ gốc: 44.851.747 đồng, nợ lãi: 28.652.156 đồng

3/Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số CCA/VN0010325/202206 ngày 22/6/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2217801782):

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 27/6/2022 đến ngày 15/6/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 22%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: vay tiêu dùng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 75.028.481 đồng bao gồm 43.455.375 đồng tiền gốc và 31.573.106 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 174.680.496 đồng, trong đó nợ gốc: 106.544.625 đồng, nợ lãi: 68.135.871 đồng.

4/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số CCA/VN0010325/202206 ngày 28/6/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2218201032):

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 01/7/2022 đến ngày 05/6/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 22%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: vay tiêu dùng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 71.720.809 đồng bao gồm 40.295.052 đồng tiền gốc và

31.425.757 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 26/5/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 179.861.863 đồng, trong đó nợ gốc: 109.704.948 đồng, nợ lãi: 70.156.915 đồng.

5/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số CCA/VN0010325/202208 ngày 03/8/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2221601728):

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 04/8/2022 đến ngày 05/7/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 23%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: vay tiêu dùng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 66.550.525 đồng bao gồm 36.354.152 đồng tiền gốc và 30.196.373 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 189.508.188 đồng, trong đó nợ gốc: 113.645.848 đồng, nợ lãi: 75.862.340 đồng

6/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số CCA/VN0010325/202209 ngày 05/9/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2225502171):

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 12/9/2022 đến ngày 10/9/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 23%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: vay tiêu dùng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 71.717.052 đồng bao gồm 41.834.808 đồng tiền gốc và 29.882.244 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 181.311.538 đồng, trong đó nợ gốc: 108.165.192 đồng, nợ lãi: 73.146.346 đồng.

7/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2211257565639 ngày 24/11/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2233202352):

- Số tiền vay: 150.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 28/11/2022 đến ngày 15/11/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 25%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: vay tiêu dùng

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 44.720.205 đồng bao gồm 25.005.404 đồng tiền gốc và 19.714.801 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 215.439.145 đồng, trong đó nợ gốc: 124.994.596 đồng, nợ lãi: 90.444.549 đồng

8/ Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở & sử dụng tài

khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng điện tử số LN2212087734287 ngày 09/12/2022 (còn gọi là hợp đồng số LD2234700281):

- Số tiền vay: 73.600.000 đồng
- Thời hạn cho vay: 36 tháng (từ 13/12/2022 đến ngày 10/12/2025)
- Lãi suất cho vay trong hạn: 25%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được điều chỉnh theo thỏa thuận hợp đồng
- Mục đích vay: sửa nhà

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T đã thanh toán cho VBank tổng số tiền 17.797.449 đồng bao gồm 8.901.961 đồng tiền gốc và 8.895.488 đồng tiền lãi. Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 111.512.742 đồng, trong đó nợ gốc: 64.698.039 đồng, nợ lãi: 46.814.703 đồng

9/ Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, dịch vụ ngân hàng điện tử số 005-P-0258430 ngày 14/01/2021:

- + Hạn mức: 50.000.000 đồng
- + Lãi suất ban đầu: 3.19%/tháng (tương đương 38.28%/năm)
- + Mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống

Tạm tính đến ngày 16/6/2025, bà T còn nợ VBank số tiền 114.255.305 đồng, trong đó nợ gốc: 46.683.038 đồng, nợ lãi: 67.572.267 đồng

Quá trình thực hiện hợp đồng vay vốn, bà Nguyễn Thy Hồng T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với VBank nên khoản vay bị chuyển nợ quá hạn và phải chịu lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 05/8/2023. Tạm tính đến ngày 16/6/2025 bà Nguyễn Thy Hồng T còn nợ VBank tổng số tiền theo tất cả các hợp đồng là: 1.313.577.083 đồng, trong đó nợ gốc: 764.139.780 đồng, nợ lãi: 549.437.303 đồng.

Nay, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà Nguyễn Thy Hồng T phải thanh toán ngay cho VBank toàn bộ số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 1.313.577.083 đồng, trong đó nợ gốc: 764.139.780 đồng, nợ lãi: 549.437.303 đồng

- Bà Nguyễn Thy Hồng T phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho VBank.

Bị đơn bà Nguyễn Thy Hồng T trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 20/01/2012, bà Nguyễn Thy Hồng T có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng tín dụng là: LD 2217801782, LD 2225502171, LD 2200701199, LD

2200701379, LD 2234700281, LD 2233202352, LD 2218201032, LD 221601728, 005P-0258430. Phương pháp vay vốn: Phục vụ nhu cầu đời sống

và sửa chữa cửa hàng kinh doanh ngành tóc, do dịch bệnh covid ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, dẫn đến mất khả năng thanh toán khoản vay.

Bà T đề nghị Ngân hàng xem xét ngưng tính lãi vay đối với khoản vay này. Bà T hiện nay không có thu nhập nên không có khả năng trả nợ theo yêu cầu của Ngân hàng. Bà đề nghị mỗi tháng trả 9.000.000 đồng/tháng vào nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản vay, trường hợp thu nhập có nhiều hơn bà sẽ thanh toán nhiều hơn, đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN X phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng quy định của pháp luật. Qua kiểm sát hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn chịu toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ngân hàng TMCP V khởi kiện bà Nguyễn Thy Hồng T phải thanh toán ngay cho VBank toàn bộ số tiền nợ theo các Hợp đồng tín dụng số LD2200701379 ngày 07/01/2022; số LD2200701199 ngày 07/01/2022; số LD2217801782 ngày 22/6/2022; số LD2218201032 ngày 28/6/2022; số LD2221601728 ngày 03/8/2022; số LD2225502171 ngày 05/9/2022; số LD2233202352 ngày 24/11/2022; số LD2234700281 ngày 09/12/2022; số 005-P-0258430 ngày 14/01/2021.

Quan hệ pháp luật giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn có địa chỉ thường trú tại Số 446/25A đường G, Phường M, QUẬN X, THÀNH PHỐ H. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN X.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng TMCP V yêu cầu bà Nguyễn Thy Hồng T phải thanh toán ngay cho VBank toàn bộ số tiền còn nợ, tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 1.313.577.083 đồng, trong đó nợ gốc: 764.139.780 đồng, nợ lãi: 549.437.303 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số LD2200701379 ngày 07/01/2022; số LD2200701199 ngày 07/01/2022; số LD2217801782 ngày 22/6/2022; số LD2218201032 ngày 28/6/2022; số LD2221601728 ngày 03/8/2022; số LD2225502171 ngày 05/9/2022; số LD2233202352 ngày 24/11/2022; số LD2234700281 ngày 09/12/2022; số 005-P-0258430 ngày 14/01/2021.

Bà Nguyễn Thy Hồng T phải tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ cho VBank.

Căn cứ các Hợp đồng tín dụng số LD2200701379 ngày 07/01/2022; số LD2200701199 ngày 07/01/2022; số LD2217801782 ngày 22/6/2022; số LD2218201032 ngày 28/6/2022; số LD2221601728 ngày 03/8/2022; số LD2225502171 ngày 05/9/2022; số LD2233202352 ngày 24/11/2022; số LD2234700281 ngày 09/12/2022; số 005-P-0258430 ngày 14/01/2021 được lập bằng văn bản, có chữ ký xác nhận của hai bên là thể hiện sự tự nguyện; Nội dung hợp đồng hai bên thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó, các hợp đồng cho vay trên được công nhận là hợp pháp. Bị đơn cũng thừa nhận đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với các hợp đồng tín dụng trên do gặp khó khăn về kinh tế, nay đề nghị được trả dần mỗi tháng 9.000.000 đồng vào tiền nợ gốc cho đến khi thanh toán xong. Như vậy, bị đơn đã vi phạm Hợp đồng cho vay mà đôi bên đã ký kết, đồng thời vi phạm quy định Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số nợ gốc 764.139.780 đồng là có căn cứ.

[3] Về lãi suất cho vay: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...theo quy định của pháp luật”.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán do đó ngân hàng đã chuyển số nợ gốc sang lãi quá hạn từ ngày 05/8/2023, tạm tính đến ngày 16/6/2025 bị đơn còn nợ của nguyên đơn số tiền lãi 549.437.303 đồng, bị đơn thừa nhận vi phạm nghĩa vụ thanh toán do gặp khó khăn về kinh tế đề nghị ngân hàng miễn toàn bộ tiền lãi, ý kiến của bị đơn là không có căn cứ, vì vậy buộc bị đơn phải thanh toán số tiền lãi còn nợ tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 549.437.303 đồng

[4] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu tính lãi chậm thanh toán phát sinh sau khi xét xử của nguyên đơn là phù hợp với quy định pháp luật tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V, buộc bị đơn phải trả ngay số tiền còn nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: là 51.407.312 đồng bà Nguyễn Thị Hồng Trinh phải chịu; Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.258.401 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm khoản 1 Điều 39, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; Luật thi hành án dân sự năm 2014; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị Quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1/ Buộc bà Nguyễn Thy Hồng T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 16/6/2025 là 1.313.577.083 (một tỷ ba trăm mười ba triệu năm trăm bảy mươi bảy ngàn không trăm tám mươi ba) đồng, trong đó nợ gốc: 764.139.780 (bảy trăm sáu mươi bốn triệu một trăm ba mươi chín ngàn bảy trăm tám mươi) đồng, nợ lãi: 549.437.303 (năm trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm ba mươi bảy ngàn ba trăm lẻ ba) đồng theo các Hợp đồng tín dụng số LD2200701379 ngày 07/01/2022; số LD2200701199 ngày 07/01/2022; số LD2217801782 ngày 22/6/2022; số LD2218201032 ngày 28/6/2022; số LD2221601728 ngày 03/8/2022; số LD2225502171 ngày 05/9/2022; số LD2233202352 ngày 24/11/2022; số LD2234700281 ngày 09/12/2022; số 005-P-0258430 ngày 14/01/2021 giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP V và bên vay là bà Nguyễn Thy Hồng T.

Thời hạn thanh toán: trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thy Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”.

Các đương sự thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm là 51.407.312 (năm mươi một triệu bốn trăm lẻ bảy ngàn ba trăm mười hai) đồng, bà Nguyễn Thy Hồng T phải chịu.

Ngân hàng TMCP V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.258.401 (hai mươi bốn triệu hai trăm năm mươi tám ngàn bốn trăm lẻ một) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0065219 ngày 14/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN X.

4/ Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án NDTPH;
- VKSND QX;
- Chi cục THA DS QX;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thu